

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG TRỊ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 31/2026/NQ-HĐND

Quảng Trị, ngày 17 tháng 7 năm 2026

NGHỊ QUYẾT

Quy định một số mức chi hoạt động của Đảng ủy xã, phường, đặc khu

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 73/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Xét Tờ trình số 3496/TTr-UBND ngày 15 tháng 7 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc đề nghị ban hành Nghị quyết quy định một số mức chi hoạt động của Đảng ủy xã, phường, đặc khu; Báo cáo thẩm tra của Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp;

Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết quy định một số mức chi hoạt động của Đảng ủy xã, phường, đặc khu.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

a) Nghị quyết này quy định mức chi đối với một số nội dung chi hoạt động của Ban Chấp hành Đảng bộ xã, phường, đặc khu (sau đây gọi là Đảng ủy xã, phường, đặc khu); Ban Thường vụ Đảng ủy xã, phường, đặc khu và các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc của Đảng ủy xã, phường, đặc khu trên địa bàn tỉnh Quảng Trị.

b) Các nội dung, mức chi hoạt động cho các đối tượng quy định tại điểm a khoản này không quy định tại Nghị quyết này thực hiện theo Quy định số 113-QĐ/VPTW ngày 25 tháng 3 năm 2026 của Văn phòng Trung ương Đảng quy định một số nội dung, mức chi hoạt động của tỉnh ủy, thành ủy và các quy định hiện hành khác.

2. Đối tượng áp dụng

a) Đảng ủy xã, phường, đặc khu; Ban Thường vụ Đảng ủy xã, phường, đặc khu; các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc của Đảng ủy, xã, phường, đặc khu.

b) Các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan.

an an

Điều 2. Chi xây dựng và thẩm định văn bản trình Đảng ủy xã, phường, đặc khu; Ban Thường vụ Đảng ủy xã, phường, đặc khu ban hành

1. Chi xây dựng văn bản ban hành mới (hoặc văn bản thay thế)

Văn bản trình Đảng ủy xã, phường, đặc khu; Ban Thường vụ Đảng ủy xã, phường, đặc khu, là nhiệm vụ được cấp có thẩm quyền giao xây dựng đề án, hoặc không xây dựng đề án. Đối với văn bản trình qua nhiều cấp thì được áp dụng mức chi xây dựng văn bản trình cấp cao nhất.

a) Văn bản do Đảng ủy xã, phường, đặc khu quyết định ban hành

Nghị quyết, quy chế, quy định: trường hợp được cấp có thẩm quyền giao xây dựng đề án, mức chi tối đa 25.000.000 đồng/văn bản; trường hợp không giao xây dựng đề án, mức chi tối đa 20.000.000 đồng/văn bản;

Quyết định phê duyệt ban hành đề án để thực hiện: mức chi tối đa 20.000.000 đồng/văn bản.

b) Văn bản do Ban Thường vụ Đảng ủy xã, phường, đặc khu quyết định ban hành

Nghị quyết, quy chế, quy định: trường hợp được cấp có thẩm quyền giao xây dựng đề án, mức chi tối đa 20.000.000 đồng/văn bản; trường hợp không giao xây dựng đề án, mức chi tối đa 15.000.000 đồng/văn bản;

Quyết định phê duyệt ban hành đề án để thực hiện: mức chi tối đa 15.000.000 đồng/văn bản.

2. Đối với văn bản sửa đổi, bổ sung

Tùy theo nội dung, phạm vi sửa đổi, bổ sung, mức chi tối đa bằng 60% mức chi quy định tại khoản 1 Điều này.

3. Tổng mức chi quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này là mức khoán chi đến khi văn bản được ban hành bao gồm một số nội dung, nhiệm vụ cụ thể sau đây:

a) Đối với xây dựng nghị quyết, quy chế, quy định bao gồm: Dự thảo đề án (trường hợp được giao xây dựng đề án), dự thảo báo cáo chuyên đề, báo cáo tổng hợp; dự thảo hồ sơ trình (dự thảo tờ trình, dự thảo nghị quyết, quy chế, quy định, báo cáo giải trình (nếu có)).

b) Đối với xây dựng quyết định phê duyệt ban hành đề án để thực hiện bao gồm: Dự thảo đề án, dự thảo báo cáo chuyên đề, báo cáo tổng hợp; dự thảo hồ sơ trình (dự thảo tờ trình, dự thảo quyết định phê duyệt đề án, báo cáo giải trình (nếu có)).

c) Chi hoạt động hỗ trợ trực tiếp, gián tiếp cho công tác xây dựng văn bản tại điểm a, điểm b khoản này: chi họp, hội thảo (chế độ chi thực hiện theo quy định hiện hành); chi rà soát hồ sơ trình; chi phê duyệt, ký duyệt văn bản, chi văn

an anh

phòng phẩm; chi bồi dưỡng các bộ phận văn thư, đánh máy in ấn, nhân sao, phát hành tài liệu; bồi dưỡng cho công tác lập dự toán, quyết toán kinh phí và các nội dung chi cần thiết khác.

4. Trường hợp văn bản có phạm vi nghiên cứu rộng, nội dung phức tạp, liên quan đến nhiều ngành, lĩnh vực, Văn phòng Đảng ủy xã, phường, đặc khu phối hợp với các cơ quan liên quan báo cáo Ban Thường vụ Đảng ủy xã, phường, đặc khu đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định mức chi.

Mức chi quy định tại khoản này là mức khoán chi đến khi văn bản được ban hành, bao gồm một số nội dung, nhiệm vụ cụ thể sau đây:

a) Chi xây dựng dự thảo đề án (trường hợp được giao xây dựng đề án), dự thảo báo cáo chuyên đề, báo cáo tổng hợp; dự thảo hồ sơ trình (dự thảo tờ trình, dự thảo nghị quyết, quy chế, quy định, báo cáo giải trình (nếu có)).

b) Chi hoạt động hỗ trợ trực tiếp, gián tiếp cho công tác xây dựng văn bản: chi họp, hội thảo (chế độ chi thực hiện theo quy định hiện hành); chi rà soát hồ sơ trình; chi phê duyệt, ký duyệt văn bản; chi văn phòng phẩm; chi bồi dưỡng các bộ phận văn thư, đánh máy in ấn, nhân sao, phát hành tài liệu; bồi dưỡng cho công tác lập dự toán, quyết toán kinh phí và các nội dung chi cần thiết khác.

c) Chi thuê chuyên gia (nếu có), sản phẩm thuê chuyên gia là chuyên đề hoặc kết quả khác theo thỏa thuận trong hợp đồng thuê khoán hoặc ý kiến thể hiện tại biên bản họp. Mức khoán chi thuê chuyên gia tối đa không quá 10% tổng mức chi xây dựng văn bản.

d) Đối với các văn bản có sử dụng tài liệu nước ngoài, phải điều tra xã hội học, Ban Thường vụ Đảng ủy xã, phường, đặc khu quyết định về nội dung, đối tượng, phạm vi điều tra. Chế độ chi cho dịch thuật và điều tra xã hội học thực hiện theo các quy định hiện hành.

5. Chi thẩm định văn bản (Bao gồm: nghị quyết, quy chế, quy định, đề án)

a) Văn bản trình Đảng ủy xã, phường, đặc khu

Thẩm định ban hành nghị quyết, quy chế, quy định: trường hợp được cấp có thẩm quyền giao xây dựng đề án, mức chi tối đa 7.500.000 đồng/văn bản; trường hợp không giao xây dựng đề án, mức chi tối đa 6.000.000 đồng/văn bản.

Thẩm định quyết định phê duyệt ban hành đề án để thực hiện: mức chi tối đa 6.000.000 đồng/văn bản.

b) Văn bản trình Ban Thường vụ Đảng ủy xã, phường, đặc khu

Thẩm định ban hành nghị quyết, quy chế, quy định: trường hợp được cấp có thẩm quyền giao xây dựng đề án, mức chi tối đa 6.000.000 đồng/văn bản; trường hợp không giao xây dựng đề án, mức chi tối đa 5.000.000 đồng/văn bản.

anad

Thẩm định quyết định phê duyệt ban hành đề án để thực hiện: mức chi tối đa 5.000.000 đồng/văn bản.

c) Đối với văn bản chỉ thực hiện nhiệm vụ thẩm định về thẩm quyền và thể thức văn bản, mức chi tối đa bằng 30% mức chi thẩm định văn bản nêu trên.

d) Mức chi quy định tại khoản này là mức khoán chi đến khi văn bản được ban hành. Sản phẩm của thẩm định văn bản nêu trên bao gồm: Báo cáo thẩm định, ý kiến thẩm định bằng văn bản hoặc thể hiện tại biên bản họp thẩm định.

6. Trường hợp thẩm định văn bản có phạm vi nghiên cứu rộng, nội dung phức tạp, liên quan đến nhiều ngành, lĩnh vực, cần thuê chuyên gia, Văn phòng Đảng ủy xã, phường, đặc khu phối hợp với các cơ quan liên quan báo cáo Ban Thường vụ Đảng ủy xã, phường, đặc khu đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định mức chi.

Sản phẩm thuê chuyên gia là chuyên đề hoặc kết quả khác theo thỏa thuận trong hợp đồng thuê khoán hoặc ý kiến thể hiện tại biên bản họp.

7. Kinh phí thẩm định do cơ quan được giao nhiệm vụ (bằng văn bản của cấp có thẩm quyền) chủ trì thẩm định chi.

Điều 3. Chi xây dựng một số văn bản khác trình Đảng ủy xã, phường, đặc khu; Ban Thường vụ Đảng ủy xã, phường, đặc khu ban hành

1. Xây dựng chương trình làm việc toàn khóa của Đảng ủy xã, phường, đặc khu, báo cáo tổng kết nhiệm kỳ của Đảng ủy xã, phường, đặc khu: Mức chi tối đa 15.000.000 đồng/chương trình/báo cáo.

2. Xây dựng chương trình kiểm tra, giám sát toàn khóa của Đảng ủy xã, phường, đặc khu; báo cáo tổng kết nhiệm kỳ công tác kiểm tra, giám sát; báo cáo tổng kết nhiệm kỳ công tác tài chính đảng; báo cáo sơ kết, tổng kết chỉ thị, nghị quyết của Trung ương: Mức chi tối đa 7.500.000 đồng/chương trình/báo cáo.

3. Xây dựng các báo cáo, bao gồm: báo cáo sơ kết, tổng kết chuyên đề thực hiện các chỉ thị, nghị quyết của Đảng ủy xã, phường, đặc khu; báo cáo tổng kết năm của Đảng ủy xã, phường, đặc khu, báo cáo tổng kết năm công tác kiểm tra, giám sát; báo cáo công tác tài chính đảng hàng năm của Đảng ủy xã, phường, đặc khu. Mức chi tối đa 4.500.000 đồng/báo cáo.

4. Xây dựng chương trình làm việc năm của Đảng ủy xã, phường, đặc khu: Mức chi tối đa 3.500.000 đồng/chương trình.

5. Chi xây dựng chỉ thị; kết luận; chương trình hành động, kế hoạch thực hiện nghị quyết của Đảng ủy xã, phường, đặc khu; Ban Thường vụ Đảng ủy xã, phường, đặc khu: Mức chi tối đa 2.500.000 đồng/văn bản.

Điều 4. Chi phục vụ hoạt động của các đoàn kiểm tra, giám sát (ngoài kế hoạch kiểm tra, giám sát hàng năm); các đoàn kiểm tra khi có dấu hiệu

an anh

vi phạm; giải quyết tố cáo; giải quyết khiếu nại kỷ luật đảng được thành lập theo quyết định của Đảng ủy xã, phường, đặc khu; Ban Thường vụ Đảng ủy xã, phường, đặc khu

1. Mức chi

a) Đoàn kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm đối với tổ chức đảng, đảng viên thuộc diện cấp ủy cấp dưới quản lý: Mức chi tối đa 15.000.000 đồng/đoàn (tổ);

b) Đoàn giải quyết tố cáo: Mức chi tối đa 10.000.000 đồng/đoàn (tổ);

c) Đoàn kiểm tra, giám sát (ngoài kế hoạch kiểm tra, giám sát hàng năm); đoàn giải quyết khiếu nại kỷ luật đảng: Mức chi tối đa 8.000.000 đồng/đoàn (tổ);

2. Nội dung chi bao gồm:

a) Xây dựng chương trình bao gồm: Quyết định thành lập đoàn (bao gồm kế hoạch và nội dung), đề cương kiểm tra, giám sát, giải quyết tố cáo; giải quyết khiếu nại kỷ luật đảng;

b) Xây dựng báo cáo kết quả, thông báo kết luận kiểm tra, giám sát; giải quyết tố cáo; giải quyết khiếu nại kỷ luật đảng;

c) Chi hợp đoàn kiểm tra, giám sát; giải quyết tố cáo; giải quyết khiếu nại kỷ luật đảng.

Điều 5. Chi trang phục

Các đồng chí ủy viên Ban Thường vụ, ủy viên Ban chấp hành Đảng bộ xã, phường, đặc khu; cán bộ, công chức, người lao động đang làm việc trong các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc của Đảng ủy xã, phường, đặc khu mỗi năm được hỗ trợ tiền may trang phục, mức chi 500.000 đồng/người/năm. Riêng các đồng chí là Ủy viên Ban Thường vụ, Ủy viên Ban Chấp hành đảng bộ tỉnh hoặc là đại biểu Quốc hội hoặc đại biểu Hội đồng nhân dân thực hiện theo chế độ của Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh hoặc đại biểu Quốc hội hoặc đại biểu Hội đồng nhân dân (Mỗi đối tượng chỉ được hưởng mức hỗ trợ cao nhất).

Chế độ trang phục đối với người làm công tác cơ yếu thực hiện theo quy định hiện hành, không áp dụng quy định tại Điều này.

Điều 6. Nguồn kinh phí thực hiện

Kinh phí thực hiện được bảo đảm từ ngân sách của xã, phường, đặc khu theo phân cấp ngân sách nhà nước và các nguồn kinh phí hợp pháp khác (nếu có), trong phạm vi dự toán chi thường xuyên hằng năm được cấp có thẩm quyền giao.

Điều 7. Tổ chức thực hiện

1. Người đứng đầu cơ quan được giao chủ trì xây dựng, thẩm định văn bản hoặc chủ trì thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát, giải quyết tố cáo, giải quyết khiếu nại kỷ luật đảng quyết định mức chi cụ thể đối với từng nội dung, nhiệm vụ

anah

và quy định trong quy chế chi tiêu nội bộ hoặc văn bản của cơ quan, bảo đảm không vượt quá mức chi quy định tại Điều 2, Điều 3 và Điều 4 Nghị quyết này.

2. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết; hướng dẫn việc quản lý, sử dụng, thanh toán, quyết toán kinh phí theo quy định.

3. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh phối hợp với Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Điều 8. Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này có hiệu lực từ ngày 17 tháng 7 năm 2026.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Trị, khóa IX, Kỳ họp thứ 4, thông qua ngày 17 tháng 7 năm 2026./.

Nơi nhận:

- UBNDVT, Chính phủ;
- Văn phòng Trung ương Đảng;
- Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra văn bản và TCTHPL- Bộ Tư pháp;
- TTTU, TT HĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, cơ quan cấp tỉnh;
- Đảng ủy, Thường trực HĐND, UBND cấp xã;
- Báo và Phát thanh - Truyền hình Quảng Trị;
- Trung tâm điều hành thông tin tỉnh;
- Lưu VT, P. CTHĐND.



Nguyễn Đăng Quang